

Số /QĐ-UBND

Hón Quản, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán thu – chi quỹ phòng chống thiên tai  
cho các xã, thị trấn năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng chống thiên tai.;*

*Căn cứ Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Công văn số 1281/UBND-KT ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ, quản lý và sử dụng quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 923/TTr-TCKH ngày 31/8/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán thu - chi quỹ phòng, chống thiên tai cho các xã, thị trấn năm 2022, cụ thể như sau: (Có danh sách chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định được giao các xã, thị trấn có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền còn dư là **13.889.642** đồng (*Số còn lại tại xã, thị trấn chưa nộp về tài khoản Quỹ ở cấp huyện*) về tài khoản số **3761.0.1100402.91049** của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Hón Quản, mở tại Kho bạc Nhà nước Hón Quản để quản lý.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng Phòng Nông nghiệp & PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- LĐVP, CV (KT) Nghĩa;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Xuân Trường.**

**Danh sách phê duyệt quyết toán thu - chi quỹ phòng, chống thiên tai  
cho các xã, thị trấn năm 2022**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Stt	Đơn vị	Tổng số đã thu quỹ PCTT năm 2022	Tổng số đã chi quỹ PCTT năm 2022	Trong đó:				Số còn lại tại xã, thị trấn chưa nộp về tài khoản quỹ ở cấp huyện
				Chi nộp về tài khoản quỹ ở cấp huyện	Chi thù lao cho người đi thu (5%)	Chi phí hành chính (3%)	Chi nhiệm vụ PCTT (20%)	
1	UBND xã Đồng Nơ	52.447.000	50.873.350	48.251.000	2.622.350	-	-	1.573.650
2	UBND xã Phước An	19.500.000	19.500.000	19.500.000	-	-	-	-
3	UBND xã Thanh An	32.946.000	22.367.300	20.720.000	1.647.300			10.578.700
4	UBND xã Tân Lợi	48.157.400	48.157.400	48.157.400	-	-	-	-
5	UBND xã Minh Đức	15.230.000	15.230.000	15.230.000	-	-	-	-
6	UBND xã Tân Hiệp	23.088.192	22.396.400	21.242.000	1.154.400			691.792
7	UBND xã An Khương	19.515.000	19.515.000	19.515.000	-	-	-	-
8	UBND xã Thanh Bình	29.660.000	28.773.000	27.290.000	1.483.000			887.000
9	UBND xã Tân Hưng	58.902.563	58.902.563	55.029.563	2.322.000	1.551.000		-

10	UBND thị trấn Tân Khai	46.505.000	46.505.000	44.180.000	2.325.000			-
11	UBND xã Tân Quan	24.270.000	24.291.000	23.077.500	1.213.500			-
12	UBND xã Minh Tâm	18.850.000	18.681.500	17.839.000	842.500			168.500
13	UBND xã An Phú	22.766.136	22.766.136	21.628.000	1.138.136			-
<b>Tổng</b>		<b>411.837.291</b>	<b>397.958.649</b>	<b>381.659.463</b>	<b>14.748.186</b>	<b>1.551.000</b>	<b>-</b>	<b>13.899.642</b>